

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – T1 PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 7 Điều 48, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 396, và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 54, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 183/2026/TLST-VHNGĐ ngày 28/01/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Lê Thu T** – sinh năm 1983

CCCD: 001183021640 cấp ngày 22/01/2025

HKTT và nơi ở: số x ngõ y phố L, phường H, T1 phố Hà Nội.

Và Ông **Trần Đình T1** – sinh năm 1986

CCCD: 034086002041 cấp ngày 29/9/2022

HKTT và nơi ở: thôn TD, xã LH, tỉnh HY.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Lê Thu T và ông Trần Đình T1 tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh TB (nay là xã LH, tỉnh HY). Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 09/11/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính cách nên vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay tình cảm không còn nên ông bà cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không T1 và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội; Việc

ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung, con chung, về lệ phí giải quyết việc dân sự là hoàn toàn tự nguyện nên được ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không T1, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thu T** và ông **Trần Đình T1** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà T, ông T1 cùng xác nhận, trong thời kỳ hôn nhân ông bà có ba con chung là Trần Thu Phương, sinh ngày 04/6/2010; Trần Thu Giang, sinh ngày 19/9/2014 và Trần Thu Hân, sinh ngày 19/9/2014.

Ly hôn ông bà thống nhất thỏa thuận: Giao cả ba con chung là Trần Thu Phương, Trần Thu Giang và Trần Thu Hân cho bà Lê Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông T1 kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi có yêu cầu, khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông bà cùng xác nhận tại thời điểm ly hôn ông bà không có thai chung.

Ông T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà đất ở chung: Ông bà cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về công nợ: Ông bà cùng xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thu T, tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0002601 ngày 28/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, T1 phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV 3 Hà Nội;
- UBND xã Hưng Hà, Hưng Yên
(số 41/09.11.2009)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Việt Anh

